

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS - ST

Ngày 12/05/2020

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC- TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Trường Chinh

2. Ông Đinh Công Thuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS, ngày 23/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Hồng H,

Địa chỉ: K, thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng N.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn T

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, các lời khai tại Toà án Nhân dân huyện Mộ Đức và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Hồng H trình bày: Ông và ông T có quen biết nhau nên vào năm 2015 ông và ông Trịnh Văn T làm ăn, ông cung cấp đá Lô ka cho ông T với mỗi xe đá có giá*

là 280.000 đồng, ông đã cung cấp cho ông T 1.302 xe giá trị là 364.560.000 đồng. Ông T đã trả tiền cho ông và còn nợ lại số tiền là 174.000.000 đồng nhưng ông T không chịu trả tiền cho ông nữa. Nhiều lần ông gọi điện yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho ông số tiền nợ còn lại là 174.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

** Bị đơn ông Trịnh Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình không hợp tác, không đến Tòa làm việc, cũng như không giao nộp cho Tòa án văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cũng không giao nộp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005, Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trịnh Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Hồng H số tiền nợ gốc là 174.000.000 đồng, không tính lãi.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

Theo ông H trình bày thì vào năm 2015 giữa ông và ông T có phát sinh giao dịch dân sự, ông H cung cấp đá học (đá Lô ka) cho ông T tổng số xe đá mà ông T đã lấy của ông H là 1.302 xe, mỗi xe có giá là 280.000 đồng, thành tiền là 1.302 xe x 280.000 đồng = 364.560.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho ông H số tiền là 190.560.000 đồng, số tiền còn lại là 174.000.000 đồng ông T chưa thanh toán cho ông H và ông T cũng viết giấy ghi rõ số tiền còn nợ của ông H 174.000.000 đồng. Đây được xem như hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự 2005: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán”. Việc mua bán tài sản giữa ông T và ông H là do hai bên tự nguyện, ông T cũng viết giấy ghi rõ số tiền còn nợ của ông H. Do vậy, việc mua bán giữa ông H ông Thắng là hợp pháp.

Ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 174.000.000 đồng. Ông T đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông H yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông H coi như thừa nhận nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây được coi là tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đưa ra. Vì vậy, ông H yêu cầu ông Thắng trả số tiền 174.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 174.000.000 đồng x 5% = 8.700.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Ông Trần Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Hà số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.350.000 (*Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002507 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H.

Buộc ông Trịnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hồng H số tiền là 174.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng*), không trả lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trịnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.700.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Ông Trần Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.350.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002507 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- THA Dân sự H. Mộ Đức;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương